

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN YÊN THÀNH
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày 26 tháng 02 năm 2018
“V/việc tranh chấp về hôn nhân gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THÀNH - TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Anh Ngọc

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Sỹ Tổ - Ông Nguyễn Văn Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Kiên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Yên Thành - tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân H. Yên Thành - tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Ông Hồ Văn Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2018 tại Tòa án nhân dân huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 265/2017/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 18/2018/QĐXX-ST ngày 09 tháng 02 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh ngày 13/ 3/1983.

Địa chỉ cư trú: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An.

Nghề nghiệp: Làm ruộng(Vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Thái Văn Đ, sinh ngày 10/10/1977.

Địa chỉ cư trú: xóm 9, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An

Nghề nghiệp: làm ruộng(Vắng mặt lần 2 không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện, trình bày tại bản tự khai và trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa thì vụ án có nội dung :

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị T và anh Thái Văn Đ tổ chức cưới vào tháng 6/2000, trước khi cưới anh chị có quá trình tìm hiểu hôn nhân trên cơ sở tình yêu và sự tự nguyện, tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán được sự đồng ý của hai gia đình, chứng kiến của bạn bè xóm làng. Trước khi cưới anh chị đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2000 ngày 19/6/2000. Sau khi kết hôn thì vợ chồng sống

hạnh phúc đến năm 2012 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Mâu thuẫn chủ yếu là do anh Đ không có ý thức xây dựng hôn nhân bền vững đối với chị T, thường xuyên chơi bời cờ bạc, ngoại tình với người đàn bà khác không lo cho hạnh phúc gia đình. Do mâu thuẫn chị T đã động viên góp ý để anh Đ từ bỏ thói hư tật xấu cùng chị xây dựng hạnh phúc hôn nhân bền vững lâu dài. Tuy nhiên mọi nỗ lực cố gắng của chị T đều không đưa lại kết quả gì, anh Đ vẫn chứng nào tật ấy không chịu sửa đổi thậm chí còn hư hỏng hơn. Do vậy trong cuộc sống chung vợ chồng đã nhiều lần xung đột khắc khẩu với nhau, xử sự thiếu tôn trọng nhau làm mất tình cảm vợ chồng, thậm chí mỗi lần mâu thuẫn anh Đ còn đánh đập chị T. Mâu thuẫn xảy ra liên tục trong nhiều tháng gây không khí trong cuộc sống chung vợ chồng lúc nào cũng căng thẳng nặng nề. Do vậy vợ chồng đã sống ly thân và cắt đứt các quan hệ từ đầu năm 2012 cho đến nay. Sau khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng đã được gia đình hai bên tổ chức hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng cũng không được cải thiện mà mâu thuẫn xảy ra ngày trầm trọng và sâu sắc hơn. Chị Nguyễn Thị T xác định không còn tình cảm với anh Đ nữa, hôn nhân giữa anh chị đã thực sự tan rã không thể hàn gắn, chị T đề nghị tòa án giải quyết ly hôn anh Thái Văn Đ để ổn định cuộc sống.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 02 con chung Thái Xuân A, sinh ngày 23/3/2001 và Thái Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/6/2008. Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung đang được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không có trách nhiệm gì đối với con chung. Nếu ly hôn chị đề nghị giao hai con chung cho chị được tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung

- Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu tòa giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án anh Thái văn Đ không hợp tác để giải quyết vụ án, Tòa án không thu thập lời khai, ý kiến của anh Đ để lưu tại hồ sơ vụ án. Nhưng căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do chị Nguyễn Thị T cung cấp, xác minh tại địa phương và trình bày của chị Nguyễn Thị T tại đơn khởi kiện và bản tự khai thì về quan hệ hôn nhân, quan hệ con chung nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng cơ bản đúng như chị T đã trình bày.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký, các đương sự và đề nghị giải quyết vụ án như sau:

Thẩm phán tiến hành thụ lý vụ án đúng qui định tại khoản 1 điều 28 điểm a khoản 1 điều 35, khoản 1 điều 39 của BLTTDS. Thực hiện nhiệm vụ quyền hạn của thẩm phán qui định tại Điều 48, Điều 203 của BLTTDS, xác định tư cách người tham gia tố tụng theo qui định tại Điều 68 của BLTTDS. Tiến hành thu thập xác minh chứng cứ theo qui định tại chương VII của BLTTDS, làm rõ tình tiết khách quan của vụ án. Tổ chức mở phiên họp kiểm tra giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải theo qui định tại điều 204; 208; 209; 210; 211 của BLTTDS. Đã chuyển hồ sơ cho viện kiểm sát nghiên cứu theo qui định tại điều 220 của

BLTTDS. Thư ký đã thực hiện đúng qui định tại điều 51 của BLTTDS. Hội đồng xét xử thực hiện đúng qui định tại Điều 228 và Điều 238 của BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật tố tụng của các đương sự: Nguyên đơn chấp hành đúng đầy đủ qui định tại điều 70 và điều 71 của BLTTDS. Bị đơn chưa thực hiện quyền và nghĩa vụ qui định tại Điều 70 và Điều 72 của BLTTDS.

- Về nội dung: Với các tài liệu có trong hồ sơ, thấy rằng yêu cầu của của chị Nguyễn Thị T đề nghị giải quyết ly hôn và giải quyết nuôi con đối với anh Thái Văn Đ là có căn cứ. Căn cứ các Điều 56, 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình, giải quyết cho chị T được ly hôn anh Đ. Giao hai con chung của vợ chồng cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đ cho đến lúc có yêu cầu.

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26; Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trong quá trình giải quyết vụ án tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh chị Nguyễn Thị T, anh Thái Văn Đ, yêu cầu anh, chị có mặt tại Tòa án để giải quyết, nhưng anh Đ không chấp hành, không hợp tác. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản theo qui định của pháp luật tố tụng dân sự làm cơ sở để giải quyết vụ án.

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập phiên tòa lần thứ nhất đối với các đương sự. Tại phiên tòa lần thứ nhất nguyên đơn chị Nguyễn Thị T có mặt, bị đơn anh Thái Văn Đ vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử đã quyết định hoãn phiên tòa. Để tiếp tục giải quyết vụ án, Tòa án tiếp tục tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Giấy triệu tập phiên tòa lần thứ hai cho chị T và anh Đ. Tại phiên tòa lần thứ hai nguyên đơn chị Nguyễn Thị T vắng mặt có lý do, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Thái Văn Đ tiếp tục vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b, khoản 2 điều 227, khoản 1 và khoản 3 điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Điều kiện kết hôn, trình tự thủ tục tiến tới hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thái Văn Đ đảm bảo đúng qui định của pháp luật, việc dẫn tới hôn nhân giữa chị T và anh Đ là hoàn tự nguyện. Trước khi cưới anh chị đã đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Y được cấp giấy chứng nhận kết hôn số: 07/2000 ngày 19/6/2000 qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị T và anh Thái Văn Đ là hôn nhân hợp pháp.

Mâu thuẫn giữa vợ chồng chị T và anh Đ đã xảy ra ngày càng trầm trọng và sâu sắc. Nguyên nhân chủ yếu là do vợ chồng không tìm được sự hòa hợp trong

hôn nhân, thiếu niềm tin đối với nhau trong quan hệ tình cảm, đã cự cãi, chồng đánh đập vợ, các bên đã xử sự thiếu tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng mất tình cảm hôn nhân đổ vỡ. Sau khi các bên sống ly thân vợ chồng đều không có ý thức níu kéo hôn nhân để đoàn tụ mà đã cắt đứt các quan hệ vợ chồng, không thương yêu quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy tình cảm vợ chồng không còn gắn kết, hôn nhân của chị T và anh Đ đã thực sự đổ vỡ, tan rã không thể hàn gắn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Chị Nguyễn Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Thái Văn Đ là có căn cứ, cần xử chấp nhận yêu cầu của chị.

- Về quan hệ con chung: Từ ngày vợ chồng sống ly thân hai con chung của vợ chồng được chị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, anh Đ không có trách nhiệm đối với con chung. Mặc dù không có sự quan tâm, chu cấp nuôi con của anh Thái Văn Đ nhưng chị T vẫn nuôi con tốt, dạy con ngoan con chung phát triển tốt về mọi mặt. Từ đó cho thấy chị T là người mẹ có trách nhiệm cao đối với con chung. Quá trình lấy lời khai của hai con chung thì các điều từ chối sinh sống trực tiếp với bố, đều có nguyện vọng sống trực tiếp với mẹ. Qua đó cho thấy chị T đề nghị giao hai con chung cho chị được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là đúng, đảm bảo quyền lợi con chung của vợ chồng, nên cần chấp nhận về việc đề nghị giao nuôi con của chị Nguyễn Thị T.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu anh Thái Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung, nên cần tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Đồng cho đến lúc có yêu cầu.

- Về quan hệ tài sản chung: Chị Nguyễn Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên miễn xét.

- Về án phí: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp án phí sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ và Điều 56, 81; 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Xử:

* Về quan hệ tình cảm: Chị Nguyễn Thị T được ly hôn anh Thái Văn Đ.

* Về quan hệ con chung: Giao hai con chung Thái Xuân A, sinh ngày 23/3/2001 và Thái Nguyễn Khánh L, sinh ngày 28/6/2008 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cho đến lúc con chung đủ tuổi trưởng thành.

Anh Thái Văn Đ có quyền và nghĩa vụ đi thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh Thái Văn Đ cho đến lúc có yêu cầu.

*Về án phí: Áp dụng điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự: Điều 26: Điều 27 của nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc Hội qui định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

- Buộc: Buộc chị Nguyễn Thị T phải nộp 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Nhưng được tính trừ 300.000đ(Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí Ly hôn chị đã nộp theo biên lai số: 0002447 ngày 11/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An. Chị Nguyễn Thị T đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt.

Nơi nhận:

- Các đương sự,
- VKSND H. Yên Thành.
- CC THA DS H. Yên Thành.
- TAND tỉnh Nghệ An
- Lưu HSVA

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Vũ Anh Ngọc